

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022



Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Tổng Giám đốc	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11 - 38

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 0301472704 do Sở Kế hoạch Đầu tư (SKHĐT) Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 8 năm 2005 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Công ty chuyển địa chỉ trụ sở chính từ 236/43/2 Điện Biên Phủ, Phường 17, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam đến Lô A1-9, Đường VL3, KCN Vĩnh Lộc 2, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam theo GCNĐKKD số 0301472704 đăng ký thay đổi lần thứ 15 do SKHĐT tỉnh Long An cấp ngày 20 tháng 12 năm 2017. Công ty sau đó cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 21, được cấp ngày 20 tháng 3 năm 2020.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“SGDCKHCM”) theo Giấy phép số 244/2010/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 18 tháng 11 năm 2010.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là thực hiện các hoạt động nông nghiệp và các hoạt động khác có liên quan, đầu tư tài chính và các dịch vụ liên quan khác.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Lô A1-9, Đường VL3, KCN Vĩnh Lộc 2, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có chi nhánh tại Tầng 15, Tòa nhà ICON4, 243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch	
Bà Nguyễn Thị Trà My	Phó Chủ tịch	
Bà Hà Thị Thanh Vân	Thành viên	
Ông Phạm Viêt Muôn	Thành viên	
Bà Nguyễn Vũ Thủy Hương	Thành viên	
Ông Nguyễn Duy Khánh	Thành viên	
Ông Bùi Xuân Tùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2022
Ông Đặng Kim Sơn	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2022
Ông Michael Sng Beng Hock	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 10 tháng 1 năm 2022
Ông Manabu Ueda	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 10 tháng 1 năm 2022

TIỂU BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Tiểu ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Viêt Muôn	Trưởng ban
Bà Nguyễn Vũ Thủy Hương	Thành viên
Ông Đặng Kim Sơn	Thành viên

TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Bà Nguyễn Thị Trà My.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Duy Hưng - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Bà Nguyễn Thị Trà My được Ông Nguyễn Duy Hưng ủy quyền ký báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 theo Giấy Ủy quyền số A01-05/2018/UQ-PAN ngày 10 tháng 5 năm 2018.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 đề ngày 26 tháng 8 năm 2022.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.



Nguyễn Thị Trà My
Tổng Giám đốc

Long An, Việt Nam

Ngày 26 tháng 8 năm 2022

Số tham chiếu: 61063721/22966343-LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN (“Công ty”) được lập ngày 26 tháng 8 năm 2022 và được trình bày từ trang 6 đến trang 38 bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Trần Phú Sơn
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0637-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 8 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.498.681.281.929	3.707.223.740.404
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	178.629.129.128	526.670.756.792
111	1. Tiền		2.429.129.128	1.670.758.599
112	2. Các khoản tương đương tiền		176.200.000.000	524.999.998.193
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	5	1.099.999.995.537	2.895.370.776.438
121	1. Chứng khoán kinh doanh		1.099.999.995.537	2.895.370.776.438
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		216.233.727.484	284.143.515.428
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	17.740.807.833	17.884.114.271
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	511.253.756	402.518.644
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	150.400.000.000	256.354.718.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	65.322.473.728	27.386.278.784
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(17.740.807.833)	(17.884.114.271)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		3.818.429.780	1.038.691.746
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		289.299.737	715.938.179
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		290.093.991	293.633.992
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	13	3.239.036.052	29.119.575
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		4.612.673.921.862	3.572.005.890.515
210	I. Phải thu dài hạn		89.200.000	89.200.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	9	89.200.000	89.200.000
220	II. Tài sản cố định	10	10.585.194.196	11.372.057.177
221	1. Tài sản cố định hữu hình		10.585.194.196	11.372.057.177
222	Nguyên giá		26.359.896.097	26.359.896.097
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(15.774.701.901)	(14.987.838.920)
250	III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		4.601.734.964.112	3.560.020.236.664
251	1. Đầu tư vào công ty con	11	4.629.482.339.860	3.586.545.181.572
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(27.747.375.748)	(26.524.944.908)
260	IV. Tài sản dài hạn khác		264.563.554	524.396.674
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		264.563.554	524.396.674
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		6.111.355.203.791	7.279.229.630.919

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		3.058.633.257.243	4.322.460.694.299
310	I. Nợ ngắn hạn		1.933.313.958.525	3.199.817.822.053
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	487.723.022	1.093.998.141
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		208.308.899	208.308.899
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	65.385.853	6.645.395.922
314	4. Phải trả người lao động		35.214.456	10.263.687
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	24.233.397.261	27.216.564.022
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	17.687.096.536	5.454.091.891
320	7. Vay ngắn hạn	16	1.872.840.000.000	3.142.940.000.000
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn		9.769.755.760	9.769.755.760
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		7.987.076.738	6.479.443.731
330	II. Nợ dài hạn		1.125.319.298.718	1.122.642.872.246
338	1. Vay dài hạn	16	1.125.319.298.718	1.122.642.872.246
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	17	3.052.721.946.548	2.956.768.936.620
410	I. Vốn chủ sở hữu		3.052.721.946.548	2.956.768.936.620
411	1. Vốn cổ phần		2.163.585.800.000	2.163.585.800.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		2.163.585.800.000	2.163.585.800.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		904.770.143.351	904.770.143.351
415	3. Cổ phiếu quỹ		(167.828.836.328)	(167.828.836.328)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		11.513.798.268	11.513.798.268
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		140.681.041.257	44.728.031.329
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		37.728.031.329	10.447.460.761
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		102.953.009.928	34.280.570.568
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		6.111.355.203.791	7.279.229.630.919



Trần Thị Trang
Người lập biểu



Văn Thị Ngọc Ánh
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Trà My
Tổng Giám đốc

Long An, Việt Nam

Ngày 26 tháng 8 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
21	1. Doanh thu hoạt động tài chính	18	236.093.141.522	95.079.194.143
22 23	2. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay và phát hành trái phiếu</i>	19	(115.295.412.021) (113.994.150.037)	(73.712.937.459) (72.999.768.935)
26	3. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	(17.846.877.230)	(12.936.453.621)
30	4. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		102.950.852.271	8.429.803.063
31	5. Thu nhập khác		2.157.657	170.208
40	6. Lợi nhuận khác		2.157.657	170.208
50	7. Tổng lợi nhuận trước thuế		102.953.009.928	8.429.973.271
51	8. Chi phí thuế TNDN hiện hành	21.1	-	-
60	9. Lợi nhuận sau thuế TNDN		102.953.009.928	8.429.973.271

Trần Thị Trang
Người lập biểu

Văn Thị Ngọc Ánh
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Trà My
Tổng Giám đốc

Long An, Việt Nam

Ngày 26 tháng 8 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		102.953.009.928	8.429.973.271
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình	10	786.862.981	786.862.981
03	Trích lập/(hoàn nhập) các khoản dự phòng		1.079.124.402	(3.460.635.986)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	18	(236.093.141.522)	(95.079.194.143)
06	Chi phí lãi vay	19	113.994.150.037	72.999.768.935
08	Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(17.279.994.174)	(16.323.224.942)
09	Giảm các khoản phải thu		531.705.161	4.264.795.887
11	Giảm các khoản phải trả		(2.965.130.618)	(1.507.410.523)
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước		686.471.562	(7.193.181.694)
13	Giảm chứng khoán kinh doanh		1.795.370.780.901	150.795.000.000
14	Tiền lãi vay đã trả		(94.813.494.605)	(62.075.232.876)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	13	(9.222.374.368)	(969.185.849)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.492.366.993)	(2.266.984.037)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		1.668.815.596.866	64.724.575.966
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(23.900.000.000)	(58.800.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		129.854.718.000	681.640.000.000
25	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác		(1.027.892.649.543)	(848.591.497.500)
27	Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia		182.618.843.999	120.157.816.937
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(739.319.087.544)	(105.593.680.563)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		4.072.461.863.014	1.875.000.000.000
34	Tiền trả nợ gốc vay		(5.350.000.000.000)	(820.000.000.000)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu		-	(104.422.468.500)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động tài chính		(1.277.538.136.986)	950.577.531.500

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị tính: VND


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(348.041.627.664)	909.708.426.903
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		526.670.756.792	1.110.055.445.013
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	178.629.129.128	2.019.763.871.916



Trần Thị Trang
Người lập biểu



Văn Thị Ngọc Ánh
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Trà My
Tổng Giám đốc

Long An, Việt Nam

Ngày 26 tháng 8 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 0301472704 do Sở Kế hoạch Đầu tư (SKHĐT) Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 8 năm 2005 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Công ty chuyển địa chỉ trụ sở chính từ 236/43/2 Điện Biên Phủ, Phường 17, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam đến Lô A1-9, Đường VL3, KCN Vĩnh Lộc 2, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam theo GCNĐKKD số 0301472704 đăng ký thay đổi lần thứ 15 do SKHĐT tỉnh Long An cấp ngày 20 tháng 12 năm 2017. Công ty sau đó cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 21, được cấp ngày 20 tháng 3 năm 2020.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“SGDCKHCM”) theo Giấy phép số 244/2010/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 18 tháng 11 năm 2010.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là thực hiện các hoạt động nông nghiệp và các hoạt động khác có liên quan, đầu tư tài chính và các dịch vụ liên quan khác.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Lô A1-9, Đường VL3, KCN Vĩnh Lộc 2, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có chi nhánh tại Tầng 15, Tòa nhà ICON4, 243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 là: 18 (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 18).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty có 8 công ty con sở hữu trực tiếp và 20 công ty con sở hữu gián tiếp (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 8 công ty con sở hữu trực tiếp và 20 công ty con sở hữu gián tiếp) được trình bày như sau:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh
Các công ty con sở hữu trực tiếp					
1	Công ty Cổ phần Pan Farm (“Công ty PAN Farm”)	81,91	81,91	Quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam	Thực hiện trồng trọt và chăn nuôi hỗn hợp
2	Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN (“Công ty PAN Food”)	99,99	99,99	Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam	Nuôi trồng, chế biến và kinh doanh nông lâm thủy hải sản; kinh doanh thực phẩm và các hoạt động tư vấn đầu tư
3	Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta (“Công ty FMC”)*	50,12	47,12	Thị xã Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam	Nuôi trồng, chế biến, bảo quản thủy sản; mua bán lương thực, thực phẩm, nông sản sơ chế và sản xuất, xuất khẩu tiêu thụ hàng nông sản
4	Công ty Cổ phần Bibica (“Công ty BBC”)	98,30	98,30	Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất, mua bán các sản phẩm đường, bánh kẹo, nha, rượu (thức uống có cồn), bột dinh dưỡng, sữa và các sản phẩm từ sữa, sữa đậu nành, nước giải khát, bột giải khát (không sản xuất tại trụ sở Công ty) và kinh doanh bất động sản

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

STT	Tên công ty	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh
Các công ty con sở hữu trực tiếp					
5	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre ("Công ty ABT")	76,48	76,48	Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam	Nuôi trồng, chế biến và xuất khẩu thủy sản; chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản
6	Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An ("Công ty LAF")	80,52	80,52	Thành phố Tân An, Tỉnh Long An, Việt Nam	Gia công, sản xuất, chế biến và kinh doanh hàng nông sản; và dịch vụ cho thuê kho bãi
7	Công ty Cổ phần Thủy sản 584 Nha Trang ("Công ty 584NT")	73,45	73,45	584 Đường Lê Hồng Phong, Phường Phước Long, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam	Kiểm nghiệm chất lượng chế biến bảo quản thủy sản, và các sản phẩm từ thủy sản
8	Công ty Cổ phần Cà phê Golden Beans ("Công ty Golden Beans")	79,59	79,59	497/23 Sư Vạn Hạnh, Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Bán buôn thực phẩm, nông lâm sản, và trồng cây cà phê
Các công ty con sở hữu gián tiếp qua Công ty PAN Farm					
1	Công ty Cổ phần PAN-HULIC ("PHJSC")	50,97	41,76	Huyện Lâm Hà, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh rau, hoa quả và các sản phẩm nông nghiệp khác
2	Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam ("Vinaseed")	80,04	65,57	Quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam	Nghiên cứu, chọn tạo, sản xuất, kinh doanh và xuất nhập khẩu các loại giống cây trồng nông, lâm nghiệp; sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu các loại nông sản và vật tư nông nghiệp
3	Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam ("Công ty VFG")	51,25	41,98	Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất, chế biến và kinh doanh các sản phẩm từ thuốc khử trùng và các dịch vụ liên quan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

STT	Tên công ty	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh
Các công ty sở hữu gián tiếp qua Công ty Vinaseed					
1	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hà Tây ("HSC")	53,80	35,28	Quận Hà Đông, Hà Nội, Việt Nam	Sản xuất, kinh doanh các loại giống cây trồng và cung cấp dịch vụ kho vận
2	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam ("SSC")	96,41	63,22	Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh, và xuất nhập khẩu giống cây trồng các loại
3	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Quảng Nam	90,02	59,03	Thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam	Cung cấp dịch vụ trồng trọt, bán buôn nông, lâm sản, nguyên vật liệu và động vật sống, chế biến nông lâm sản, mua bán vật tư nông nghiệp
4	Công ty Cổ phần Cơ khí Giống cây trồng Miền Nam	83,74	52,93	Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất máy nông nghiệp, lâm nghiệp; máy chế biến thực phẩm; sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc thiết bị
5	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Hà Nam	94,00	61,63	Huyện Lý Nhân, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh các loại dưa và rau quả
6	Công ty TNHH Lúa gạo Việt Nam	100	64,86	Huyện Thập Mươi, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam	Chế biến hạt giống và chế biến nông sản
Công ty sở hữu gián tiếp qua Công ty FMC					
1	Công ty Cổ phần Thực phẩm Khang An ("Công ty KAC")	80,11	52,90	Huyện An Thành, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam	Nuôi trồng, chế biến, bảo quản thủy sản; mua bán lương thực, thực phẩm, nông sản sơ chế và sản xuất, xuất khẩu tiêu thụ hàng nông sản
Các công ty sở hữu gián tiếp qua Công ty ABT					
1	Công ty TNHH Thủy sản Công nghệ cao Aquatex Bentre ("ABT High-Tech")	100	76,47	Áp 9 (thửa đất số 113, tờ bản đồ số 09), Xã Tân Thạch, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam	Nuôi trồng thủy sản nội địa; nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp; và hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác.
Các công ty sở hữu gián tiếp qua Công ty 584NT					
1	Công ty Cổ phần Thủy sản 584 Cà Ná	99,80	73,29	Cảng cá Cà Ná mở rộng, Xã Cà Ná, Huyện Thuận Nam, Tỉnh Ninh Thuận	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản
Công ty sở hữu gián tiếp qua Công ty VFG					
1	Công ty TNHH MTV V.F.C Cambo	100	41,98	Campuchia	Mua bán thuốc bảo vệ thực vật, giống cây trồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

<i>STT</i>	<i>Tên công ty</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết (%)</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích (%)</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngành nghề kinh doanh</i>
Các công ty sở hữu gián tiếp qua Công ty BBC					
1	Công ty TNHH Một thành viên Bibica Miền Đông	100	98,30	Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh đường, bánh kẹo, chiết xuất bã, rượu, bột dinh dưỡng, sữa và các sản phẩm sữa và nước giải khát
2	Công ty TNHH Bibica Miền Bắc	100	98,30	Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh đường, bánh kẹo, chiết xuất bã, rượu, bột dinh dưỡng, sữa và các sản phẩm sữa và nước giải khát
3	Công ty TNHH Một thành viên Bibica Hà Nội	100	98,30	Quận Long Biên, Hà Nội, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh đường, bánh kẹo, chiết xuất bã, rượu, bột dinh dưỡng, sữa và các sản phẩm sữa và nước giải khát
4	Công ty TNHH Một thành viên Bibica Biên Hòa	100	98,30	Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh đường, bánh kẹo, chiết xuất bã, rượu, bột dinh dưỡng, sữa và các sản phẩm sữa và nước giải khát
5	Công ty TNHH Một thành viên Bibica Miền Tây	100	98,30	Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh đường, bánh kẹo, chiết xuất bã, rượu, bột dinh dưỡng, sữa và các sản phẩm sữa và nước giải khát
6	Công ty TNHH Chế biến Thực phẩm PAN ("Công ty PAN FM")	100	98,30	Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam	Thực hiện các hoạt động nông nghiệp, thực phẩm và các hoạt động khác
7	Công ty TNHH Phân phối Hàng tiêu dùng PAN ("Công ty PAN CG")	100	98,30	Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam	Bán buôn thực phẩm

(*) Tỷ lệ biểu quyết của Công ty trong Công ty FMC bao gồm tỷ lệ biểu quyết trực tiếp 37,75% như được trình bày tại Thuyết minh số 11 và tỷ lệ biểu quyết gián tiếp 12,37% thông qua Công ty ABT.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 11. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 đề ngày 26 tháng 8 năm 2022.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.3 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.4 *Khấu hao*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm
Tài sản khác	3 - 8 năm

3.5 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.7 Thuê tài sản

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn của hợp đồng thuê.

3.8 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.9 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.10 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

3.11 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Thu nhập tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết khi công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Thuế (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.13 Thông tin theo bộ phận

Hoạt động chính của Công ty là thực hiện các hoạt động đầu tư tài chính và các dịch vụ liên quan khác. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

3.14 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Tiền mặt	121.298.500	327.178.500
Tiền gửi ngân hàng	2.307.830.628	1.343.580.099
Các khoản tương đương tiền (Thuyết minh số 22)	<u>176.200.000.000</u>	<u>524.999.998.193</u>
TỔNG CỘNG	<u>178.629.129.128</u>	<u>526.670.756.792</u>

5. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>					
	<u><i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i></u>			<u><i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i></u>		
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị hợp lý</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị hợp lý</i>
Chứng chỉ tiền gửi (**)	1.099.999.995.537	-	(*)	2.802.579.244.438	-	(*)
Trái phiếu	-	-	-	<u>92.791.532.000</u>	-	(*)
TỔNG CỘNG	<u>1.099.999.995.537</u>	-	-	<u>2.895.370.776.438</u>	-	-

(*) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư trên do các khoản đầu tư này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

(**) Các khoản đầu tư vào chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới một năm tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất từ 4,98%/năm đến 5,08%/năm. Như được trình bày ở Thuyết minh số 16.1, các chứng chỉ tiền gửi tại các ngân hàng thương mại trên được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn ngân hàng của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng Dịch vụ Phúc Bảo Minh	<u>17.740.807.833</u>	<u>17.884.114.271</u>
TỔNG CỘNG	<u>17.740.807.833</u>	<u>17.884.114.271</u>
Dự phòng giảm giá phải thu ngắn hạn của khách hàng khó đòi	<u>(17.740.807.833)</u>	<u>(17.884.114.271)</u>
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>-</u>	<u>-</u>

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng khó đòi:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Số đầu kỳ	17.884.114.271	23.547.445.824
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	<u>(143.306.438)</u>	<u>(5.663.331.553)</u>
Số cuối kỳ	<u>17.740.807.833</u>	<u>17.884.114.271</u>

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Trả trước cho các bên khác	<u>511.253.756</u>	<u>402.518.644</u>
TỔNG CỘNG	<u>511.253.756</u>	<u>402.518.644</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Phải thu về cho vay ngắn hạn từ các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 22</i>)	150.400.000.000	153.000.000.000
Phải thu về cho vay ngắn hạn từ các bên khác	-	103.354.718.000
TỔNG CỘNG	150.400.000.000	256.354.718.000

9. PHẢI THU KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Ngắn hạn		
Phải thu cổ tức	49.995.000.000	-
Lãi cho vay	10.192.315.070	13.489.254.852
Lãi tiền gửi	4.361.238.205	12.629.509.645
Ký quỹ	390.504.666	590.504.666
Tạm ứng nhân viên	210.165.787	281.014.621
Khác	173.250.000	395.995.000
	65.322.473.728	27.386.278.784
Dài hạn		
Ký quỹ	89.200.000	89.200.000
TỔNG CỘNG	65.411.673.728	27.475.478.784
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 22)</i>	<i>60.762.966.459</i>	<i>8.178.791.370</i>
<i>Phải thu từ các bên khác</i>	<i>4.648.707.269</i>	<i>19.296.687.414</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản khác	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá:					
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	13.778.633.885	11.514.060.062	874.811.650	192.390.500	26.359.896.097
Ngày 30 tháng 6 năm 2022	13.778.633.885	11.514.060.062	874.811.650	192.390.500	26.359.896.097
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết</i>	4.511.889.599	644.151.180	408.582.150	-	5.564.622.929
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	(9.191.714.620)	(5.050.406.733)	(674.060.899)	(71.656.668)	(14.987.838.920)
Khấu hao trong kỳ	(185.956.188)	(539.747.185)	(39.170.622)	(21.988.986)	(786.862.981)
Ngày 30 tháng 6 năm 2022	(9.377.670.808)	(5.590.153.918)	(713.231.521)	(93.645.654)	(15.774.701.901)
Giá trị còn lại:					
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	4.586.919.265	6.463.653.329	200.750.751	120.733.832	11.372.057.177
Ngày 30 tháng 6 năm 2022	4.400.963.077	5.923.906.144	161.580.129	98.744.846	10.585.194.196

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

STT	Ngày 30 tháng 6 năm 2022			Ngày 31 tháng 12 năm 2021		
	Giá trị đầu tư VND	Dự phòng VND	Tỷ lệ vốn nắm giữ trực tiếp %	Giá trị đầu tư VND	Dự phòng VND	Tỷ lệ vốn nắm giữ trực tiếp %
1	1.244.670.326.543	-	98,30	-	-	-
2	999.900.000.000	-	99,99	999.900.000.000	-	99,99
3	999.900.000.000	-	81,91	999.900.000.000	-	81,91
4	671.414.451.072	-	37,75	671.414.451.072	-	37,75
5	238.253.620.500	-	76,47	238.253.620.500	-	78,33
6	166.227.626.000	-	80,52	166.227.626.000	-	80,52
7	148.916.315.745	-	73,45	150.669.484.000	-	73,45
8	100.000.000.000	-	28,60	100.000.000.000	-	28,60
9	60.200.000.000	(27.747.375.748)	79,59	60.200.000.000	(26.524.944.908)	79,59
10	-	-	-	199.980.000.000	-	99,99
	4.629.482.339.860	(27.747.375.748)		3.586.545.181.572	(26.524.944.908)	

(i) Trong tháng 1 năm 2022, Công ty đã thực hiện hoán đổi thành công 19.998.000 cổ phiếu của công ty PAN CG để lấy 3.331.573 cổ phiếu của công ty BBC, qua đó nâng tỷ lệ nắm giữ vốn trực tiếp lên 17,77% cổ phần của công ty BBC như được trình bày tại Thuyết minh số 22. Cũng trong tháng 1 năm 2022, Công ty đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng 7.720.577 cổ phiếu của công ty BBC từ Công ty PAN Foods với tổng giá phi là 501.837.505.000 VND. Sau đó, Công ty đã tiến hành chào mua công khai của phiếu BBC và hoàn tất việc mua thêm 7.382.512 cổ phiếu của công ty BBC trong tháng 5 năm 2022. Sau các giao dịch này, tỷ lệ nắm giữ vốn trực tiếp của Công ty tại BBC tăng lên 98,30%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Phải trả cho các bên khác	487.723.022	886.098.141
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 22)	-	207.900.000
TỔNG CỘNG	487.723.022	1.093.998.141

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>	<i>Số phải thu trong kỳ</i>	<i>Số đã thu/cán trừ trong kỳ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	3.239.036.052	-	3.239.036.052
Khác	29.119.575	-	(29.119.575)	-
TỔNG CỘNG	29.119.575	3.239.036.052	(29.119.575)	3.239.036.052
Phải nộp				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.983.338.316	-	(5.983.338.316)	-
Thuế thu nhập cá nhân	658.517.606	2.464.714.597	(3.057.846.350)	65.385.853
Thuế giá trị gia tăng	3.540.000	113.710.417	(117.250.417)	-
TỔNG CỘNG	6.645.395.922	2.578.425.014	(9.158.435.083)	65.385.853

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Lãi trái phiếu	23.682.630.138	23.682.630.138
Lãi vay	124.767.123	1.292.054.794
Khác	426.000.000	2.241.879.090
TỔNG CỘNG	<u>24.233.397.261</u>	<u>27.216.564.022</u>

15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Bảo hiểm và kinh phí công đoàn	92.780.076	92.780.076
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 22)	11.421.001.564	1.637.621.919
Phải trả khác	6.173.314.896	3.723.689.896
TỔNG CỘNG	<u>17.687.096.536</u>	<u>5.454.091.891</u>

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. VAY	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2021	Ngày 30 tháng 6 năm 2022
Ngắn hạn		
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 16.1)	3.142.940.000.000	5.389.900.000.000
Vay đối tượng khác	2.970.000.000.000	(6.660.000.000.000)
Vay các bên liên quan (Thuyết minh số 22)	-	(5.220.000.000.000)
	172.940.000.000	(1.310.000.000.000)
		839.900.000.000
		(130.000.000.000)
Dài hạn		
Trái phiếu phát hành (Thuyết minh số 16.2)	1.122.642.872.246	10.114.563.458
Chi phí phát hành (Thuyết minh số 16.2)	1.135.000.000.000	-
	(12.357.127.754)	10.114.563.458
TỔNG CỘNG	4.265.582.872.246	5.382.461.863.014
16.1 Vay ngắn hạn ngân hàng		
Công ty sử dụng khoản vay này để đầu tư chứng chỉ tiền gửi tại các tổ chức tín dụng (ngoại trừ cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp). Chi tiết như sau:		
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Đơn vị tính: VND
Ngân hàng	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất (%/năm)
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Sở giao dịch	Ngày 20 tháng 12 năm 2022	4
		Chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Thuyết minh số 5)
TỔNG CỘNG	990.000.000.000	Hình thức đảm bảo

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. VAY (tiếp theo)

16.2 Trái phiếu phát hành

Công ty đã thông qua Nghị quyết số 01-09/2018/NQ-HDQT của Hội đồng quản trị vào ngày 3 tháng 9 năm 2018 về việc phát hành trái phiếu với số lượng phát hành là 1.135 trái phiếu, mệnh giá 1.000.000.000 VND/trái phiếu, lãi suất 6,8%/năm, ngày đáo hạn là ngày 10 tháng 9 năm 2023. Đại lý phát hành và bảo lãnh là Credit Guarantee and Investment Facility (CGIF), là một quỹ tín thác của Ngân hàng Phát triển Châu Á.

<i>Trái chủ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>			<i>Hình thức đảm bảo</i>
	<i>Giá trị</i>	<i>Lãi suất/năm</i>	<i>Kỳ hạn</i>	
Công ty TNHH Manulife (Việt Nam)	845.000.000.000	6,8%	5 năm	8.778.365 cổ phần của công ty thành viên
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ AIA (Việt Nam)	170.000.000.000	6,8%	5 năm	8.778.365 cổ phần của công ty thành viên
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Hanwha Life Việt Nam	75.000.000.000	6,8%	5 năm	8.778.365 cổ phần của công ty thành viên
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Sun Life Việt Nam	45.000.000.000	6,8%	5 năm	8.778.365 cổ phần của công ty thành viên
TỔNG CỘNG	1.135.000.000.000			
Chi phí phát hành	(9.680.701.282)			
Giá trị thuần	1.125.319.298.718			

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

17.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021						
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	2.163.585.800.000	904.770.143.351	(167.828.836.328)	11.513.798.268	119.124.835.761	3.031.165.741.052
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	8.429.973.271	8.429.973.271
Trích thù lao HĐQT, BKS	-	-	-	-	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(2.230.000.000)	(2.230.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(104.447.375.000)	(104.447.375.000)
Ngày 30 tháng 6 năm 2021	2.163.585.800.000	904.770.143.351	(167.828.836.328)	11.513.798.268	18.877.434.032	2.930.918.339.323
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022						
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	2.163.585.800.000	904.770.143.351	(167.828.836.328)	11.513.798.268	44.728.031.329	2.956.768.936.620
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	102.953.009.928	102.953.009.928
Trích thù lao HĐQT, BKS (*)	-	-	-	-	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	-	(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
Ngày 30 tháng 6 năm 2022	2.163.585.800.000	904.770.143.351	(167.828.836.328)	11.513.798.268	140.681.041.257	3.052.721.946.548

(*) Việc trích thù lao HĐQT, BKS và quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2021 được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01-04/2022/NQ-ĐHĐCĐ của Công ty ngày 26 tháng 4 năm 2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

17.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Vốn cổ phần đã phát hành		
Số đầu kỳ	2.163.585.800.000	2.163.585.800.000
Số cuối kỳ	2.163.585.800.000	2.163.585.800.000
Cổ tức, lợi nhuận đã công bố		-
<i>Cổ tức bằng tiền cho năm 2021: 500 VND/cổ phiếu</i>	-	104.447.375.000
Cổ tức, lợi nhuận đã trả	-	104.422.468.500

17.3 Cổ phiếu

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
	<i>Số cổ phần</i>	<i>Số cổ phần</i>
Cổ phiếu đã được duyệt	216.358.580	216.358.580
Cổ phiếu đã phát hành		
<i>Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ</i>		
Cổ phiếu phổ thông	216.358.580	216.358.580
Cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)		
Cổ phiếu phổ thông	(7.463.830)	(7.463.830)
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	208.894.750	208.894.750

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (ngày 30 tháng 12 năm 2021: 10.000 VND/cổ phiếu).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Thu nhập từ cổ tức	143.216.567.745	35.113.460.000
Lãi cho vay và lãi tiền gửi	6.943.985.814	23.607.649.187
Thu nhập từ chứng chỉ tiền gửi	69.338.762.963	36.358.084.956
Lãi từ hoán đổi cổ phiếu	16.593.825.000	-
TỔNG CỘNG	<u>236.093.141.522</u>	<u>95.079.194.143</u>

19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Chi phí lãi vay	103.879.586.579	62.885.205.477
Chi phí phát hành trái phiếu	10.114.563.458	10.114.563.458
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	1.222.430.840	-
Khác	78.831.144	713.168.524
TỔNG CỘNG	<u>115.295.412.021</u>	<u>73.712.937.459</u>

20. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.646.469.979	9.054.857.057
Chi phí nhân viên	6.529.577.046	6.529.206.681
Chi phí khấu hao (<i>Thuyết minh số 10</i>)	786.862.981	786.862.981
Hoàn nhập dự phòng	(143.306.438)	(3.460.635.986)
Khác	27.273.662	26.162.888
TỔNG CỘNG	<u>17.846.877.230</u>	<u>12.936.453.621</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế “TNDN”) với mức thuế suất bằng 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

21.1 Chi phí thuế TNDN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-
TỔNG CỘNG	-	-

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	102.953.009.928	8.429.973.271
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	20.590.601.986	1.685.994.654
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí lãi vay không được trừ	439.972.603	2.752.304.388
Chi phí không được khấu trừ	349.092.382	219.012.288
Thu nhập từ cổ tức	(28.643.313.549)	(7.022.692.000)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận từ lỗ tính thuế	7.263.646.578	2.365.380.670
Thu nhập thuế TNDN	-	-

21.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ kế toán khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

21.3 Lỗi thuế chuyển sang từ năm trước

Công ty được phép chuyển khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 (năm) năm liên tục kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty có khoản lỗ lũy kế là 36.318.232.892 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty không có khoản lỗ lũy kế). Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế (*)	Đơn vị tính: VND		
			Đã chuyển lỗ đến ngày 30 tháng 6 năm 2022	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ vào ngày 30 tháng 6 năm 2022
2022	2027	(36.318.232.892)	-	-	(36.318.232.892)
TỔNG CỘNG		(36.318.232.892)	-	-	(36.318.232.892)

(*) Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản lỗ lũy kế này do chưa dự tính được chắc chắn lợi nhuận chịu thuế trong tương lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát và/hoặc có giao dịch trong kỳ tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Cổ phần Pan Farm	Công ty con
Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN ("Công ty PAN Foods")	Công ty con
Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta ("Công ty FMC")	Công ty con
Công ty Cổ phần Bibica ("Công ty BBC")	Công ty con
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre ("Công ty ABT")	Công ty con
Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An ("Công ty LAF")	Công ty con
Công ty Cổ phần Thủy sản 584 Nha Trang ("Công ty 584NT")	Công ty con
Công ty Cổ phần Cà phê Golden Beans ("Công ty Golden Beans")	Công ty con
Công ty Cổ phần PAN-HULIC ("Công ty PHJSC")	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam ("Công ty Vinaseed")	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam ("Công ty VFG")	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hà Tây ("HSC")	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam ("SSC")	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Quảng Nam	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Hà Nam	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Lúa gạo Việt Nam ("Công ty Vinarice")	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Một thành viên Bibica Miền Đông	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Bibica Miền Bắc	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Một thành viên Bibica Hà Nội	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Một thành viên Bibica Biên Hòa	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Một thành viên Bibica Miền Tây	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Chế biến Thực phẩm PAN ("Công ty PAN FM")	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Phân phối Hàng tiêu dùng PAN ("Công ty PAN CG")	Công ty con gián tiếp
"Công ty Cổ phần Thực phẩm Khang An ("Công ty KAC")	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Thủy sản Công nghệ cao Aquatech Bentre ("ABT High-Tech")	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Thủy sản 584 Cà Ná	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH MTV V.F.C Cambo	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần CSC Việt Nam	Công ty có cùng lãnh đạo chủ chốt
Công ty TNHH Tư vấn NDH	Công ty có cùng lãnh đạo chủ chốt
Công ty TNHH Bất động sản Đan Linh	Công ty có cùng lãnh đạo chủ chốt
Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Đầu tư NDH Việt Nam	Cổ đông lớn
Ông Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch HĐQT
Bà Nguyễn Thị Trà My	Phó Chủ tịch HĐQT/Tổng Giám đốc
Bà Hà Thị Thanh Vân	Thành viên HĐQT
Ông Phạm Việt Muôn	Thành viên HĐQT
Bà Nguyễn Vũ Thùy Hương	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Duy Khánh	Thành viên HĐQT
Ông Bùi Xuân Tùng	Thành viên HĐQT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 và 30 tháng 6 năm 2021 bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nghiệp vụ</i>	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
			<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI	Cổ đồng	Lãi chuyển nhượng chứng chỉ tiền gửi	24.378.731.450	10.575.282.000
		Phí dịch vụ	1.171.296.828	702.888.524
		Lãi tiền gửi	1.066.516.580	1.838.285.132
Công ty PAN CG	Công ty con	Cổ tức	26.997.300.000	-
		Đi vay	-	35.000.000.000
		Trả gốc vay	25.000.000.000	10.000.000.000
		Lãi đi vay	585.616.440	185.616.438
Công ty FMC	Công ty con	Cổ tức	49.369.356.000	35.113.460.000
		Mua cổ phần	-	164.132.200.000
Công ty PAN Food	Công ty con	Vay	839.900.000.000	-
		Nhận chuyển nhượng cổ phần	501.837.505.000	583.847.741.500
		Thanh toán khoản vay	105.000.000.000	-
		Lãi vay	12.942.031.782	-
		Lãi cho vay	-	12.955.467.733
		Cho vay	-	3.800.000.000
Công ty Golden Beans	Công ty con	Thu hồi khoản cho vay	-	514.640.000.000
		Đi vay	-	11.000.000.000
Công ty PAN Farm	Công ty con	Thanh toán khoản vay	-	11.000.000.000
		Cổ tức	49.995.000.000	-
Công ty KAC	Công ty con	Thu hồi khoản cho vay	26.500.000.000	152.000.000.000
		Cho vay	23.900.000.000	40.000.000.000
		Lãi cho vay	4.521.513.700	6.983.191.781
		Góp vốn	-	100.000.000.000
Công ty ABT	Công ty con	Cổ tức	4.900.000.000	-
		Cổ tức	9.006.029.000	-
Công ty 584NT	Công ty con	Cổ tức	4.702.051.000	-

Ngoài các giao dịch trên, trong tháng 1 năm 2022, Công ty đã thực hiện hoán đổi thành công 19.998.000 cổ phiếu của công ty PAN CG để lấy 3.331.573 cổ phiếu của công ty BBC như được trình bày tại Thuyết minh số 14.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan:

Công ty cho vay, đi vay các bên liên quan, bán hàng cũng như mua hàng, dịch vụ từ các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả (ngoại trừ các khoản vay và cho vay) tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2022 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (ngày 31 tháng 12 năm 2021: mức trích lập dự phòng bằng không). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

			<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
<i>Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 8)</i>				
Công ty PAN Farm	Công ty con	Cho vay	150.400.000.000	153.000.000.000
			150.400.000.000	153.000.000.000

Chi tiết khoản cho vay như sau:

<i>Bên vay</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc</i>	<i>Lãi suất (%/năm)</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Công ty PAN Farm	150.400.000.000	Từ ngày 22 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022	5-5,5%	Tín chấp

Phải thu khác (Thuyết minh số 9)

Công ty PAN Farm	Công ty con	Lãi dự thu	10.192.315.070	7.711.301.370
		Cổ tức	49.995.000.000	-
Công ty ABT	Công ty con	Chi hộ	-	189.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI – CN Hà Nội	Cổ đồng	Lãi dự thu	374.388.889	-
Công ty TNHH MTV Bibica Biên Hòa	Công ty con gián tiếp	Chi hộ	77.700.000	77.700.000
Công ty TNHH MTV Bibica Miền Tây	Công ty con gián tiếp	Chi hộ	24.937.500	36.277.500
Công ty TNHH MTV Bibica Miền Đông	Công ty con gián tiếp	Chi hộ	19.425.000	19.425.000
Công ty TNHH MTV Bibica Hà Nội	Công ty con gián tiếp	Chi hộ	-	9.975.000
Bà Hà Thị Thanh Vân	Thành viên HĐQT	Đặt cọc thuê văn phòng	79.200.000	79.200.000
Công ty PAN FM	Công ty con	Chi hộ	-	51.187.500
Công ty PAN CG	Công ty con	Chi hộ	-	4.725.000
			60.762.966.459	8.178.791.370

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

			<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 12)				
Công ty TNHH Tư vấn NDH	Cùng chủ tịch HĐQT	Phí dịch vụ	-	207.900.000
			<u>-</u>	<u>207.900.000</u>
Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 15)				
Công ty PAN CG	Công ty con	Phải trả khác	-	797.945.206
Công ty PAN Food	Công ty con	Lãi vay phải trả	11.421.001.564	389.676.713
Ông Michael Sng Beng Hock	Thành viên HĐQT đến ngày 10 tháng 1 năm 2022	Thù lao	-	450.000.000
			<u>11.421.001.564</u>	<u>1.637.621.919</u>
Vay ngắn hạn (Thuyết minh số 16)				
Công ty PAN CG	Công ty con	Gốc vay	-	25.000.000.000
Công ty PAN Food	Công ty con	Gốc vay	882.840.000.000	147.940.000.000
			<u>882.840.000.000</u>	<u>172.940.000.000</u>
Chi tiết khoản vay như sau:				
<i>Hợp đồng</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc</i>	<i>Lãi suất/năm</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
10/2021/HĐTD/PF-PAN PL2	42.940.000.000	Ngày 30 tháng 4 năm 2023	4%	Tin chấp
2101/2022/HĐTD/PANFOOD-PAN PL1	500.900.000.000	Ngày 28 tháng 4 năm 2023	4%	Tin chấp
1605/2022/HĐTD/PANFOOD-PAN PL1	159.000.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	4%	Tin chấp
3005/2022/HĐTD/PF-PAN PL1	180.000.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	4%	Tin chấp
TỔNG CỘNG	<u>882.840.000.000</u>			

Bên cạnh đó, như được trình bày tại Thuyết minh số 4, các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 thể hiện các khoản hợp đồng tiền gửi tại Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI - bên liên quan của Công ty và hưởng lãi suất 5%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 4,9%/năm đến 5,1%/năm).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Tiền lương	4.617.619.231	1.835.000.000
Khác	-	540.000.000
TỔNG CỘNG	4.617.619.231	2.375.000.000



23. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Dưới 1 năm	1.129.914.000	2.259.828.000
TỔNG CỘNG	1.129.914.000	2.259.828.000

24. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.

Trần Thị Trang
Người lập biểu

Văn Thị Ngọc Ánh
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Trà My
Tổng Giám đốc

Long An, Việt Nam

Ngày 26 tháng 8 năm 2022